

Bản án số: **68/2023/HS-ST**

Ngày: 25-9- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Khánh

Ông Nguyễn Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:
Ông Phan Quang Đại Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Minh Th, sinh ngày 08/11/2002 tại Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Lao động phổ thông

Trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn D2 (Sinh năm 1964, còn sống) và bà Hồ Thị Th2 (Sinh năm: 1968, còn sống). Gia đình có 03 người con, bị cáo là con út.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Nhân thân:

-Bản án số 93/2021/HSST ngày 26/10/2021 của TAND quận Sơn Trà xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 15/11/2022.

- Quyết định số 154/QĐ-XPVPHC ngày 21/4/2020 của UBND phường Hòa An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự công cộng;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2023.- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/Nguyễn Xuân D, sinh ngày 13 /8/2003 tại Đà Nẵng.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 23, phường N, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 21, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

Nghề nghiệp: Không

Trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T1 (Sinh năm 1959, còn sống) và bà Nguyễn Thị Th3 (Sinh năm: 1962, còn sống). Gia đình có 06 người con, bị cáo là con út.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 93/2021/HSST ngày 26/10/2021 của TAND quận Sơn Trà xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 15/01/2023.

- Bản án số 22/2021/HSST ngày 02/02/2021 của TAND quận Thanh Khê xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Quyết định số 136/QĐ-XPVPHC ngày 15/4/2020 của UBND phường Hòa An xử phạt hành chính về hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ trái phép;

- Quyết định số 21/2018/QĐ-TA ngày 28/8/2018 của TAND quận Cẩm Lệ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng;

- Quyết định số 16A/QĐ-XPVPHC ngày 20/01/2018 của UBND phường An Khê xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2023 – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Nguyên đơn dân sự: Công ty TC TNHH HD SG (vắng mặt)**

Địa chỉ: Tầng 8,9,10 Tòa nhà Gilimex 24 C đường P, phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Người bị hại:

1/ Ông Hồ H, sinh năm: 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 186 đường N, tổ 123, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

2/ Bà Trương Thị L, sinh năm: 1959(vắng mặt)

Địa chỉ: Số 60 đường H, tổ 119, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

3/ Ông Quách Đ, sinh năm: 1965(vắng mặt)

Địa chỉ: 47 đường B, tổ 7, phường T, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

4/ Chị Phạm Thị H1, sinh năm: 1982(vắng mặt)

Địa chỉ: 40 đường T, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

5/ Bà Hồ Thị Thu Th1, sinh năm: 1975(vắng mặt)

Địa chỉ: Số K382/H05/12/18 đường T, tổ 36, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Huỳnh Thị Phương L1, sinh năm: 1969(vắng mặt)

Địa chỉ: 263 đường T, phường H, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng.

2/Anh Lưu Quang Nhật L2, sinh năm: 2002(vắng mặt)

Địa chỉ: K 814/H99 đường T, Tổ 27, phường T, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

3/ Ông Phan Văn T, sinh năm: 1965(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 101, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

4/ Anh Phan Thành Đ1, sinh ngày 12/01/2006 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 101, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của Phan Thành Đ1 (người giám hộ- cha): Ông **Phan Văn T**, sinh năm: 1965. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 101, phường H, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

5/ Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1964 (có mặt)

6/ Bà Hồ Thị Th2, sinh năm: 1968.(có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài nên Nguyễn Minh Th rủ Nguyễn Xuân D đến các tiệm tạp hoá để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, các đối tượng bàn bạc, thống nhất phân công nhiệm vụ một người ở ngoài xe nổ máy đợi sẵn, một đối tượng tiếp cận hỏi mua hàng, khi chủ cửa hàng giao hàng ra thì vờ hỏi mua thêm hàng hóa khác để đánh lạc hướng người bán, lợi dụng sơ hở nhanh chóng cầm tài sản chạy ra xe tẩu thoát. Với phương thức thủ đoạn như trên, từ ngày 08/04/2023 đến ngày 10/04/2023, Th và D đã thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 19 giờ ngày 08/04/2023, Th chở D bằng xe moto hiệu Honda Airblade BKS 43K1- 56463 đến tiệm tạp hoá ở số 186 đường N, phường H, quận Liên Chiểu của ông Hồ H (Sinh năm: 1959, trú tại: tổ 123, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng). Khi đến nơi Th ngồi ngoài xe đợi, còn D đi bộ vào bên trong quán hỏi mua 02 thẻ cào mobifone, mệnh giá mỗi thẻ là 100.000 đồng, khi ông H đưa ra 02 thẻ cào thì D lại nói ông H bán thêm cho D 01 chai nước đổ vào túi nilon để mang đi. Khi ông H quay vào bên trong để lấy nước thì D nhanh chóng cầm lấy 02 thẻ cào điện thoại chạy ra xe của Th đang đợi, lên xe và tẩu thoát. Th chở D đến tiệm tạp hoá của bà Huỳnh Thị Phương L1 (Sinh năm: 1969, trú: 263 đường T, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) bán 02 thẻ cào nói trên được 180.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của ông H là **200.000 đồng**.

Vụ 2: Khoảng 19 giờ ngày 09/04/2023, Th điều khiển xe moto hiệu Honda Airblade 43F1- 44124 chở Duy đến tiệm tạp hoá số 60 đường H của

bà Trương Thị L (Sinh năm: 1959, trú: tổ 119, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng), cũng với cách thức, thủ đoạn như trên Th và D đã cướp giật được 02 thẻ cào Mobifone, mệnh giá mỗi thẻ là 100.000 đồng. Thẻ cào chiếm đoạt được Th và D mang đến tiệm tạp hoá của bà Huỳnh Thị Phương L1 bán được 180.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của bà L là **200.000 đồng**.

Vụ 3: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/04/2023, Th chở D bằng xe moto Honda Airblade 43F1- 44124 đến tiệm tạp hoá số 47 đường B của ông Quách Đ (Sinh năm: 1965, trú: 47 đường B, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng) cướp giật của ông Đ 02 thẻ cào Mobifone, mệnh giá mỗi thẻ là 100.000 đồng. Thẻ cào chiếm đoạt được Th và D mang đến tiệm tạp hoá của bà Huỳnh Thị Phương L1 bán được 180.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của ông Đ là **200.000 đồng**.

Vụ 4: Khoảng 13 giờ 20 phút ngày 10/04/2023, Th chở D bằng xe moto hiệu Honda Airblade 43K1-56463 đến tiệm tạp hoá số 40 đường T, phường H, quận Cẩm Lệ của chị Phạm Thị H1 (Sinh năm: 1982, trú: 40 đường T, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) cướp giật của bà H1 01 cây thuốc hiệu Craven và 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 100.000 đồng. Tài sản chiếm đoạt được Th và D mang đến tiệm tạp hoá của bà Huỳnh Thị Phương L1 bán được 290.000 đồng và chia nhau tiêu xài hết. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được của chị H1 là **248.000 đồng**.

Vụ 5: Khoảng 15 giờ ngày 10/04/2023, D chở Th bằng xe moto hiệu Honda Airblade 43K1-56463 đến tiệm tạp hoá số K382/H05/12/18 đường T của bà Hồ Thị Thu Th1 (Sinh năm: 1975, trú: tổ 36, phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng). D ngồi ngoài xe nổ máy đợi, còn Th đi bộ vào bên trong cướp giật của bà Th1 01 cây thuốc WhiteHorse (thuốc con ngựa). Cây thuốc chiếm đoạt được cả hai đến bán tại tiệm tạp hoá của bà Huỳnh Thị Phương L1 được 200.000 đồng, các đối tượng đã chia nhau tiêu xài hết. Giá trị tài sản chiếm đoạt của bà Th1 là **247.000 đồng**.

Vật chứng và tài sản thu giữ:

- 01 xe moto hiệu Honda Airblade, màu đen BKS 43K1-56463.
- 01 đĩa CD có chứa video liên quan tới vụ án.

* Theo Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 04/5/2023 và số 43/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND quận Cẩm Lệ xác định tổng giá trị các tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt là **1.095.000 đồng**.

Quá trình điều tra, Nguyễn Minh Th và Nguyễn Xuân D đã khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 72/CT-VKSCL ngày 08/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn

Minh Th và Nguyễn Xuân D cùng về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm a Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Th và Nguyễn Xuân D như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh Th** mức án từ **03 năm** đến **04 năm** tù.

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Xuân D** mức án từ **03 năm** đến **04 năm** tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã chủ động tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại, các bị hại đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen BKS 43K1-56463 của Nguyễn Minh Th, là phương tiện các đối tượng sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua lời khai của bị cáo Th, lời khai của cha mẹ bị cáo Th là ông Nguyễn Văn D2 bà Hồ Thị Th2 tại phiên tòa và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen BKS 43K1-56463 mặc dù đứng tên bị cáo Th. Tuy nhiên, xe này được cha mẹ bị cáo Th là ông Nguyễn Văn D2 và bà Hồ Thị Th2 mua trả góp từ Công ty TC TNHH HD SG, hiện nay việc trả góp vẫn chưa thực hiện xong. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên liên quan đề nghị HĐXX tuyên trả lại xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen BKS 43K1-56463 cho bị cáo Th.

Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu điện tử là chứng cứ của vụ án nên tiếp tục quy trữ kèm hồ sơ vụ án là phù hợp

Đối với xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS 43F1-441.24 mà các bị cáo sử dụng để phạm tội ở vụ thứ 2 và thứ 3, ông Phan Văn T giao xe mô tô trên cho con trai là Phan Thành Đ1 (Sinh năm: 2006) sử dụng, Đ1 đã cho bạn là Lưu Quang Nhật L2 (Sinh năm: 2002, trú tại: Tổ 109, phường H, quận Liên Chiểu) mượn xe để sử dụng. Ông T và Đ1 đều không biết việc L2 giao xe cho các bị cáo Th, bị cáo D mượn để sử dụng phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã trả lại xe cho ông Phan Văn T là phù hợp.

Về trách nhiệm của những người có liên quan:

Đối với bà Huỳnh Thị Phương L1 là người mua các tài sản mà các bị cáo cướp giật được, nhưng bà L1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không đề cập xử lý là có căn cứ.

Ông Phan Văn T (Sinh năm: 1965, trú tại: Tổ 101, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) là chủ xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS 43F1-441.24 mà các bị cáo sử dụng để phạm tội ở vụ thứ 2 và thứ 3, ông T giao xe mô tô trên cho con trai là Phan Thành Đ1 (Sinh năm: 2006) sử dụng, Đ1 đã cho bạn là Lưu Quang Nhật L2 (Sinh năm: 2002, trú tại: Tổ 109, phường H, quận Liên Chiểu) mượn xe để sử dụng. Ông T và Đ1 đều không biết việc L2 giao xe cho các bị cáo mượn để sử dụng phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không đề cập xử lý đối với ông T và anh Đ1 là có căn cứ.

Đối với Lưu Quang Nhật L2 là người trực tiếp cho các bị cáo mượn xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS 43F1-441.24, tuy nhiên chưa đủ cơ sở để xác định L2 có vai trò trong việc phạm tội của các bị cáo hay không và hiện nay L2 không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ tách ra, tiếp tục điều tra xác minh là có căn cứ.

Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại ông Hồ H, bà Trương Thị L, ông Quách Đ, chị Phạm Thị H1, bà Hồ Thị Thu Th1; đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự Công ty TC TNHH HD Sài Gòn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Phương L1, anh Lưu Quang Nhật L2, ông Phan Văn T, đại diện của anh Phan Thành Đ1 là anh Phan Văn T vắng mặt không có lý do nhưng trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của những người này. Do đó, sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292; 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người chứng kiến không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Minh Th và Nguyễn Xuân D đều khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 08/4/2023 đến ngày 10/4/2023 tại địa bàn quận Cẩm Lệ và Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Minh Th và Nguyễn Xuân D đã nhiều lần bàn bạc, phân công vai trò rồi cùng nhau tiếp cận các tiệm tạp hóa, lợi dụng sơ hở của bị hại nhanh chóng chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được của các bị hại là **1.095.000 đồng**.

[2.1.2] Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Minh Th và Nguyễn Xuân D đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản và xâm hại an toàn công cộng, trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, phạm vào tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự như nội dung Cáo trạng số 72/CT-VKSCL ngày 08/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Minh Th và Nguyễn Xuân D thì thấy:

Để có tiền tiêu xài nên Nguyễn Minh Th rủ Nguyễn Xuân D đến các tiệm tạp hoá để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, các đối tượng bàn bạc, thống nhất phân công nhiệm vụ một người ở ngoài xe nổ máy đợi sẵn, một đối tượng tiếp cận hỏi mua hàng, khi chủ cửa hàng giao hàng ra thì vờ hỏi mua thêm hàng hóa khác để đánh lạc hướng người bán, lợi dụng sơ hở nhanh chóng cầm tài sản chạy ra xe tẩu thoát. Với phương thức thủ đoạn như trên, từ ngày 08/04/2023 đến ngày 10/04/2023, Th và D đã thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được của các bị hại là **1.095.000 đồng** nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

[2.2.1] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Minh Th: Bị cáo Th là một thanh niên có sức khỏe lẽ ra bị cáo phải lao động, tu dưỡng, rèn luyện bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, bị cáo phạm tội rất liều lĩnh, lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại nên bị cáo đã nhiều lần cùng với bị cáo Nguyễn Xuân D cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản của nhiều người gồm ông Hồ H, bà Trương Thị L, ông Quách Đ, chị Phạm Thị H1, bà Hồ Thị Thu Th1; bị cáo Th là người trực tiếp phân công nhiệm vụ cho từng người khi thực hiện việc phạm tội.

Hành vi của bị cáo Th đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ, phạm vào Điểm a Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại về tài sản cho người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân D: Do bị cáo D lười lao động, coi thường pháp luật, chỉ muốn có tiền tiêu xài thỏa mãn mục đích cá nhân bằng đồng tiền lao động của người khác, bị cáo D đã rủ rê bị cáo Th đi thực hiện việc cướp giật tài sản của người khác; bị cáo D đã cùng với bị cáo Th cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản của các bị hại là ông Hồ H, bà Trương Thị L, ông Quách Đ, chị Phạm Thị H1, bà Hồ Thị Thu Th1. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm

cho xã hội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt đối với bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo thỏa đáng, xử cách ly các bị cáo Th và D ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[2.2.2] Xét hành vi phạm tội; vai trò; **nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của các bị cáo** thì thấy:

[2.2.2.1] Đối với Nguyễn Minh Th, trong tất cả các lần thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản của người khác; bị cáo Th là người trực tiếp phân công nhiệm vụ cho bị cáo D và cũng là người trực tiếp thực hiện việc lấy tài sản của những người bị hại cũng như tiêu thụ tài sản. Như vậy, bị cáo Th phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” là tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu: Bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự công cộng theo Quyết định số 154/QĐ-XPVPHC ngày 21/4/2020 của UBND phường H và theo Bản án số 93/2021/HSST ngày 26/10/2021 của TAND quận Sơn Trà xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 15/11/2022 và được xác định thuộc trường hợp không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự và Điều 425 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Th cùng với bị cáo D thực hiện nhiều lần các hành vi cướp giật tài sản của người khác nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Th đã thành khẩn khai báo; bị cáo Th tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên thuộc trường hợp “ người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” . Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Th một phần hình phạt khi lượng hình.

[2.2.2.2] Đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Xuân D, bị cáo là người trực tiếp rủ rê bị cáo Th và theo sự phân công của bị cáo Th nên đã nhiều lần cùng bị cáo Th thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người khác; bị cáo D cùng với bị cáo Th đi bán các tài sản đã cướp giật được; bị cáo đã cùng với bị cáo Th chia số tiền bán được từ tài sản phạm tội mà có để tiêu xài cá nhân. Như vậy, bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp “có tổ chức” là tình tiết định khung được quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo D có nhân thân xấu: Bản án số 22/2021/HSST ngày 02/02/2021 của TAND quận Thanh Khê xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Quyết định số 136/QĐ-XPVPHC ngày 15/4/2020 của UBND phường H xử phạt hành chính về hành vi sử dụng công cụ hỗ trợ trái phép; Quyết định số 21/2018/QĐ-TA ngày 28/8/2018 của TAND quận Cẩm Lệ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng; Quyết định số 16A/QĐ-XPVPHC ngày 20/01/2018 của UBND phường A xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản; Bản án số 93/2021/HSST ngày 26/10/2021 của TAND quận Sơn Trà xử phạt 18 tháng tù về

tội “Cố ý gây thương tích” đã chấp hành xong hình phạt tù vào 15/01/2023 và được xác định thuộc trường hợp không có án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự và Điều 425 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Th cùng với bị cáo D thực hiện nhiều lần các hành vi cướp giật tài sản của người khác nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo D đã thành khẩn khai báo; bị cáo D tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại nên thuộc trường hợp “ người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả” . Do đó, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo D một phần hình phạt khi lượng hình.

[2.2.2.3] Bị cáo Th và D cùng thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp Đồng phạm được quy định tại Điều 17 BLHS, giữa các bị cáo có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể trước khi tiến hành hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm có tổ chức như đã nhận định ở trên.

[3] Xét về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo đã chủ động tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho các bị hại là ông Hồ H, bà Trương Thị L, ông Quách Đ, chị Phạm Thị H1, bà Hồ Thị Thu Th1, các bị hại đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên HĐXX không xem xét.

[4] Xét về vật chứng:

-Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen; số khung RLHJF6334MZ682989; số máy JF94E0353009 có BKS 43K1-56463 thu giữ của Nguyễn Minh Th, là phương tiện các đối tượng sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Qua lời khai của bị cáo Th; lời khai của cha mẹ bị cáo Th là ông Nguyễn Văn D2 bà Hồ Thị Th2 tại phiên tòa và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen BKS 43K1-56463 mặc dù đứng tên bị cáo Th. Tuy nhiên, xe này được cha mẹ bị cáo Th là ông Nguyễn Văn D2 và bà Hồ Thị Th2 mua trả góp từ Công ty TC TNHH HD SG và để cho bị cáo Th đứng tên; theo khai nhận của ông D2 và bà Th2 tại phiên tòa thì thời gian thực hiện việc trả góp xe này cho Công ty TC TNHH HD SG thực hiện trong thời gian 24 tháng, mỗi tháng phải góp số tiền gốc là 2.553.000đ cho công ty (chưa tính tiền lãi phát sinh nếu có), quá trình thực hiện việc trả góp thì hiện nay cha mẹ bị cáo Th mới chỉ trả góp được số tiền của 13 tháng và hiện vẫn còn nợ tiền góp xe của công ty số tiền góp của 11 tháng; do mua xe trả góp nên hiện nay bản gốc của Giấy chứng nhận xe nêu trên Công ty TC TNHH HD SG đang giữ. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên liên quan HĐXX xét thấy cần tuyên trả lại xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu đen BKS 43K1-56463 cho bị cáo Th.

Đối với quan hệ liên quan đến việc thế chấp và số tiền nợ còn lại giữa bị cáo Th và Công ty TC TNHH HD SG sau này nếu các bên tranh chấp, sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

-Đối với xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS 43F1-441.24 mà các bị cáo sử dụng để phạm tội ở vụ thứ 2 và thứ 3, ông Phan Văn T giao xe mô tô trên cho con trai là Phan Thành Đ1 (Sinh năm: 2006) sử dụng, Đ1 đã cho bạn là Lưu Quang Nhật L2 (Sinh năm: 2002, trú tại: Tổ 109, phường H, quận Liên Chiểu) mượn xe để sử dụng. Ông T và Đ1 đều không biết việc L2 giao xe cho các bị cáo Th, bị cáo D mượn để sử dụng phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ đã trả lại xe cho ông Phan Văn T là phù hợp.

- Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu điện tử là chứng cứ của vụ án, nên HĐXX tuyên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/9/2023.

[5] Về trách nhiệm của những người có liên quan:

Đối với bà Huỳnh Thị Phương L1 là người mua các tài sản mà các bị cáo cướp giật được, nhưng bà L1 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không đề cập xử lý là có căn cứ.

Ông Phan Văn T (Sinh năm: 1965, trú tại: Tổ 101, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) là chủ xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS 43F1-441.24 mà các bị cáo sử dụng để phạm tội ở vụ thứ 2 và thứ 3, ông T giao xe mô tô trên cho con trai là Phan Thành Đ1 (Sinh năm: 2006) sử dụng, Đ1 đã cho bạn là Lưu Quang Nhật L2 (Sinh năm: 2002, trú tại: Tổ 109, phường H, quận Liên Chiểu) mượn xe để sử dụng. Ông T và Đ1 đều không biết việc L2 giao xe cho các bị cáo mượn để sử dụng phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ không đề cập xử lý đối với ông T và anh Đ1 là có căn cứ.

Đối với Lưu Quang Nhật L2 là người trực tiếp cho các bị cáo mượn xe mô tô hiệu Honda Airblade, BKS 43F1-441.24, tuy nhiên chưa đủ cơ sở để xác định L2 có vai trò trong việc phạm tội của các bị cáo hay không và hiện nay L2 không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cẩm Lệ tách ra, tiếp tục điều tra xác minh là có căn cứ.

[6]Hội đồng xét xử xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[7]Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Minh Th và bị cáo Nguyễn Xuân D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh Th và bị cáo Nguyễn Xuân D phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh Th **03(ba)** năm **03 (ba)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 12/4/2023.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 171; Điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân D **03(ba)** năm **03 (ba)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, ngày 12/4/2023.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Th: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn đen; số khung RLHJF6334MZ682989; số máy JF94E0353009 có biển kiểm soát là 43K1-56463.

- Đối với 01 đĩa CD chứa dữ liệu điện tử là chứng cứ của vụ án tuyên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/9/2023.

Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Minh Th và bị cáo Nguyễn Xuân D mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 25/9/2023.

Riêng người bị hại; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhân:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THA quận Cẩm Lệ;
- Nhà tạm giữ công an quận Cẩm Lệ;
- Bị cáo; bị hại; nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Nga

